

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Công văn số 325/BDT-CSĐT, ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum về việc đề nghị phối hợp báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Qua chỉ đạo cơ quan chuyên môn triển khai rà soát, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei báo cáo kết quả thực hiện cụ thể như sau:

#### A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Huyện Đắk Glei nằm ở phía Bắc tỉnh Kon Tum, là huyện miền núi, biên giới (có 119 km biên giới giáp với nước CHDCND Lào). Diện tích tự nhiên 149.364,4 ha. Huyện có 50.834 người với 13.289 hộ, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 44.080 người với 11.499 hộ, chiếm 86,7 % dân số toàn huyện chủ yếu là dân tộc Gié-Triêng và Xê Đăng (số liệu cuối năm 2022).

Địa bàn huyện chủ yếu là rừng núi, điều kiện địa hình phức tạp, độ dốc lớn, chia cắt nhiều thời tiết khí hậu khắc nghiệt. Hệ thống cơ sở hạ tầng còn nhiều khó khăn... thu nhập chính của người dân là từ sản xuất nông nghiệp; trình độ dân trí còn hạn chế, đặc biệt là ở các thôn, làng vùng sâu, vùng xa.

Toàn huyện có 12 đơn vị hành chính cấp xã (11 xã và 01 thị trấn)<sup>1</sup> với 93 thôn, làng, trong đó có 92 thôn DTTS. Các dân tộc trên địa bàn huyện chủ yếu là: Gié Triêng, Xơ Đăng, kinh và một số dân tộc khác (Ba-na, Mường, Nùng,, Tày, Dao, Thái...).

Theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025: Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn trên địa bàn huyện, gồm có 07 dân tộc (Gié Triêng, Xơ Đăng, Mường, Tày, Nùng, Ba Na, Dao); Các dân tộc có khó khăn đặc thù, gồm 0 dân tộc.

Thực trạng hộ nghèo, cận nghèo cuối năm 2023: Tổng số hộ nghèo toàn huyện là: 1.457 hộ, chiếm tỷ lệ: 10,41%; Tổng số hộ cận nghèo toàn huyện là: 1.091 hộ, chiếm 7,80%.

Trên địa bàn huyện đã và đang triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

#### B. PHẦN THỨ NHẤT: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 39/2020/QĐ-T

<sup>1</sup> Xã Đắk Long; Xã Đắk Môn; xã Đắk Kroong; xã Đắk Nhoong; xã Đắk Pék; xã Đắk Plô; xã Đắk Man; xã Đắk Choong; xã Xốp; xã Mường Hoong; xã Ngọc Linh và Thị trấn Đắk Glei.

## **I. HỆ THỐNG VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUYẾT ĐỊNH SỐ 39/2020/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ.**

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy và sự hỗ trợ của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện, trong thời gian qua các Đề án, Chương trình, chính sách dân tộc được triển khai thực hiện đồng bộ trên địa bàn huyện. Công tác kiểm tra, nắm bắt thông tin, tham mưu xử lý thông tin ở cơ sở về tình hình thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn huyện đạt hiệu quả tốt. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 20/9/2022 về việc thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Đăk Glei

## **II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH SỐ 39/2020/QĐ-TTg TRONG VIỆC ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH**

### **1. Thực trạng thi hành các văn bản liên quan tới Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ:**

Ngay sau khi Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ được ban hành, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Phòng Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức, triển khai thực hiện rà soát, kiểm tra số liệu liên quan theo đúng quy trình, thủ tục và thời gian quy định. Ngày 08/4/2021, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei đã ban hành Báo cáo số 231/BC-UBND về kết quả rà soát, xác định các DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định 39/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài công tác chỉ đạo các xã, thị trấn triển khai việc rà soát số liệu theo các tiêu chí. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã quán triệt, phổ biến các nội dung của Quyết định đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý.

### **2. Việc áp dụng các tiêu chí trong triển khai thực hiện chính sách giai đoạn 2021-2025**

#### **a. Tiêu chí 1:**

- Thực trạng hộ nghèo cuối năm 2019 toàn huyện: 3.416 hộ, chiếm tỷ lệ 26,88% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 3.376 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 30,44% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện.

- Thực trạng hộ nghèo cuối năm 2023 toàn huyện: 1.457 hộ, chiếm tỷ lệ 10,40% so với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát; hộ nghèo dân tộc thiểu số 1.441 hộ, chiếm 11,92% so với tổng số hộ dân cư DTTS tại thời điểm rà soát; hộ cận nghèo toàn huyện: 1.091 hộ, chiếm tỷ lệ 7,79% so với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát; hộ cận nghèo dân tộc thiểu số 1.080 hộ, chiếm 8,93% so với tổng số hộ dân cư DTTS tại thời điểm rà soát.

Từ thực trạng công tác giảm nghèo trên qua 04 năm (từ 2019 đến cuối năm 2023) thực hiện mục tiêu giảm nghèo đã giảm **1.935** hộ nghèo DTTS, chiếm 57,32% so với hộ dân cư toàn huyện (từ 3.376 hộ xuống còn 1.441 hộ).

Tiêu chí này là cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội riêng và đặc thù cho nhóm DTTS theo Quyết định số 1917/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ

tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, do các cơ quan phụ trách lĩnh vực Dân tộc chủ trì triển khai, thực hiện.

**b. Tiêu chí 2:** Tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông tại địa phương năm 2019: 1.669/25.593 chiếm tỉ lệ 6,52%; năm 2023: 1.203/30.033 chiếm tỉ lệ 4,0%. Từ năm 2019 đến nay (31/12/2023) tỉ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông tại địa phương giảm được 2,51% từ 6,52% xuống 4,01%.

Tiêu chí này đã áp dụng để triển khai thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ, về Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ

**c. Tiêu chí 3:** Tỷ suất chết của trẻ em dân tộc thiểu số dưới 1 tuổi trên địa bàn huyện từ năm 2019 đến nay giảm 0,9‰ (từ 14,2‰ năm 2019 giảm xuống còn 13,3‰ năm 2023). Tuy nhiên vẫn có sự biến động không ổn định hàng năm và vẫn còn ở mức cao.

Tiêu chí này đã áp dụng để triển khai thực hiện Dự án 7, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

### **3. Kết quả thực hiện chính sách dân tộc đối với nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù:**

#### **3.1. Chính sách đối với dân tộc còn gặp nhiều khó khăn:**

##### **3.1.1. Liệt kê các chính sách của trung ương và địa phương (nếu có) đang thực hiện đối với dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, gồm có:**

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025).

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (theo Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025).

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025 (theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025).

##### **3.1.2. Tóm tắt kết quả thực hiện các chính sách đến ngày 31/12/2023:**

\* Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS: Qua 03 năm thực hiện Chương trình đã cải thiện đáng kể bộ mặt vùng đồng bào DTTS trên địa bàn huyện: 80% đường từ thôn đến trung tâm xã được Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa đường nông thôn, khoảng 900 số hộ được giải quyết nước sinh hoạt, 04 công trình nước sinh hoạt tập trung được đầu tư, 03 trường bán trú, được tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học; 01 cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp được nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất; hơn 500 hộ dân được hỗ trợ phát triển sinh kế sinh kế; 110 hộ được hỗ trợ sắp xếp bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn và khu vực cần thiết khác; 150 người được đào tạo nghề, tạo việc làm; một số mô hình văn hóa truyền

thống được xây dựng, câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian bước đầu được thành lập, 02 thiết chế văn hoá, thể thao thôn được đầu tư; Với tổng kinh phí 265, 044 triệu đồng; trong đó vốn đầu tư phát triển: 187, 921 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 77, 123 triệu đồng.

\* Triển khai và thực hiện công tác giảm nghèo gắn với việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn huyện: Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được đã triển khai có hiệu quả, đảm bảo mục tiêu công tác giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

- Tổng số hộ nghèo toàn huyện năm 2019 là 3.416 hộ, chiếm tỷ lệ 26,88%, giảm xuống còn 1.457 hộ nghèo (cuối năm 2023), chiếm 10,40%. Hộ nghèo giai đoạn 2019-2023 giảm 1.959 hộ, tương đương giảm 16,48%.

+ Tổng số hộ nghèo DTTS toàn huyện năm 2019 là 3.376 hộ, chiếm 30,44% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện, giảm xuống còn 1.441 hộ, chiếm 11,92% so với tổng số hộ dân cư dân tộc thiểu số toàn huyện. Giai đoạn 2019-2024 giảm 1.935 hộ, tương ứng giảm 18,52%.

- Hộ cận nghèo năm 2019 là 1.248 hộ, chiếm tỷ lệ 9,82%, giảm xuống còn 1.091 hộ, chiếm tỷ lệ 7,79%. Số hộ cận nghèo giai đoạn 2019-2024 giảm 157 hộ, tương ứng giảm 2,03%.

+ Tổng số hộ cận nghèo DTTS toàn huyện năm 2019 là 1.224 hộ, chiếm tỷ lệ 11,04% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện, giảm xuống còn 1.080 hộ, chiếm 8,93% so với tổng số hộ dân cư dân tộc thiểu số toàn huyện. Giai đoạn 2019-2024 giảm 144 hộ cận nghèo DTTS, tương ứng giảm 2,11%.

- Tổng nguồn vốn Chương trình giai đoạn 2021-2024, ước thực hiện giải ngân<sup>2</sup> đến 31/3/2024, như sau: Năm 2021, là năm đầu kỳ triển khai thực hiện Chương trình Trung ương chưa phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; chưa phân bổ vốn để các địa phương triển khai, thực hiện. Năm 2022, ngân sách Trung ương, tình bố trí (vốn sự nghiệp) là: 4.619 triệu đồng; đã giải ngân 1.029 triệu đồng; chuyển nguồn qua năm 2023 thực hiện: 3.590 triệu đồng. Năm 2023: Kế hoạch dự toán giao 12.112 triệu đồng. Trong đó: Nguồn ngân sách Trung ương :11.011 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách địa phương<sup>3</sup> 1.101 triệu đồng; chuyển nguồn từ năm 2022 sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện: 3.590 triệu đồng; đã giải ngân 4.770 triệu đồng; chuyển nguồn qua năm 2024 thực hiện: 9.828 triệu đồng; hết nhiệm vụ chi nộp trả ngân sách nhà nước: 2.193 triệu đồng. Năm 2024: Thực hiện phân bổ dự toán 15.213 triệu đồng. Trong đó: Nguồn ngân sách Trung ương, tình phân bổ: 13.830 triệu đồng; Nguồn ngân sách địa phương đối ứng<sup>4</sup>: 1.383 triệu đồng. UBND huyện đã phân bổ<sup>5</sup> đến các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn để triển khai thực hiện theo quy định.

<sup>2</sup> Các đơn vị, UBND các xã, thị trấn được giao dự toán triển khai thực hiện Chương trình lãnh chỉ đạo triển khai và sử dụng nguồn lực thực hiện đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính<sup>2</sup> và Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính<sup>2</sup> và các Thông tư hướng dẫn khác được trích dẫn liên quan theo quy định.

<sup>3</sup> Theo Khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum: ngân sách địa phương bố trí bằng 10% ngân sách trung ương.

<sup>4</sup> Theo Khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum, ngân sách địa phương bố trí bằng 10% ngân sách trung ương.

<sup>5</sup> Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện về giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương, nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Đăk Glei năm 2024;

\* Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

- Công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện được chỉ đạo thực hiện quyết liệt và đạt nhiều kết quả quan trọng<sup>(6)</sup>; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện, thu nhập của nông dân ngày càng tăng; các điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa được cải thiện rõ rệt; trình độ canh tác và khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật của người nông dân được cải thiện đáng kể<sup>(7)</sup>.

- Hiện nay toàn huyện có 03 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới<sup>8</sup>; dự kiến đến cuối năm 2024 đạt thêm 01 xã (*Đăk Choong*), đạt 50% so với mục tiêu Nghị quyết, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM toàn huyện lên 04 xã, 05 thôn/làng hoàn thành 10/10 tiêu chí (*đang hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ đề xuất UBND huyện công nhận thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào DTTS*), bình quân xã nông thôn mới đạt 11,3 tiêu chí trên xã<sup>9</sup>, xã nông thôn mới nâng cao bình quân đạt 11,0 tiêu chí trên xã<sup>10</sup>, thôn nông thôn mới bình quân đạt 8,79 tiêu chí/thôn.

- Tổng nguồn vốn Chương trình MTQG nông thôn mới cả giai đoạn 2021-2025 được phân bổ là: 36.526 triệu đồng, trong đó: nguồn vốn Ngân sách Trung ương: 29.997 triệu đồng, nguồn đối ứng của địa phương và nhân dân đóng góp: 6.529 triệu đồng<sup>(11)</sup>.

**3.2. Chính sách đối với dân tộc có khó khăn đặc thù:** Trên địa bàn huyện không có dân tộc thuộc diện có khó khăn đặc thù.

#### **4. Đánh giá ưu điểm, hạn chế của tiêu chí trong quá trình triển khai thực hiện chính sách giai đoạn 2021-2025.**

##### **a. Ưu điểm:**

- Về đối tượng: Việc hỗ trợ cho các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn giúp xóa đói, giảm nghèo nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập so với các dân tộc khác trong vùng; góp phần nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, hỗ trợ cải thiện chất lượng dân số, thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc.

- Về địa bàn: Việc hỗ trợ cho các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn tại các xã nghèo, vùng sâu vùng xa có tính chất quyết định để thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa vùng dân tộc thiểu số và miền núi so với vùng thuận lợi nhằm thực hiện chủ trương “Không để ai bị bỏ lại phía sau”, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.

<sup>(6)</sup> Có 11/11 xã có đường ô tô đến trung tâm, trong đó 11 xã đảm bảo xe ô tô đi lại được cả hai mùa; 11/11 xã và 93/93 thôn, làng có điện lưới; 11/11 xã có trường Tiểu học, 11/11 xã có trường Trung học cơ sở; 11/11 xã có trường mầm non/mẫu giáo; 11/11 xã có trạm y tế (*trong đó có 11 xã đã đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã*), 11/11 xã có chợ hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa; 11/11 xã có điểm phục vụ bưu chính viễn thông đạt chuẩn và 80/93 thôn, đạt 86% số thôn được phủ sóng Internet 3G.

<sup>(7)</sup> Đến nay, toàn huyện 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*xã Đăk Pék, Đăk Môn, Đăk Kroong*), 01 xã đạt 19/19 tiêu chí (*xã Đăk Choong, hiện nay đang hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ đề nghị UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn NTM*), 01 xã đạt từ 12-14/19 tiêu chí (*Đăk Nhoong*), 4 xã đạt 10 tiêu chí (*Đăk Man, Đăk Plô, Đăk Long, Xốp, Mường Hoong*), 01 xã đạt dưới 10 tiêu chí (*xã Ngọc Linh*), bình quân 16 tiêu chí/xã; 05 thôn/làng hoàn thành 10/10 tiêu chí và đang hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất UBND huyện công nhận thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào DTTS.

<sup>8</sup> Xã Đăk Pék, xã Đăk Môn và xã Đăk Kroong.

<sup>9</sup> Xã Đăk Nhoong và xã Đăk Choong đạt 19/19 tiêu chí; xã Đăk Nhoong đạt 12/19 tiêu chí, xã Đăk Plô, xã Xốp và xã Đăk Man, xã Đăk Long, Mường Hoong đạt 10/19 tiêu chí; xã Ngọc Linh đạt 9/19 tiêu chí.

<sup>10</sup> Xã Đăk Pék: 10/19 tiêu chí, xã Đăk Môn: 12/19 tiêu chí, xã Đăk Kroong: 11/19 tiêu chí.

<sup>(11)</sup> Vốn đầu tư 24.402 triệu đồng, vốn sự nghiệp 10.500 triệu đồng.

- Về tiêu chí: Các tiêu chí được quy định tại Quyết định 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách của Đảng, nhà nước đã tạo điều kiện hỗ trợ các dân tộc ĐBKK trên địa bàn xã một cách tốt nhất và là cơ sở để triển khai thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

**b. Hạn chế:** Đánh giá những khó khăn, hạn chế khi áp dụng các tiêu chí trong quá trình triển khai chính sách tại địa phương:

- Đối với vấn đề địa bàn, đối tượng. Xét về đối tượng cơ bản đảm bảo tiêu chí.  
- Đời sống của hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp chưa mang tính hàng hóa mạnh mẽ, thiếu tính bền vững, chưa tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội. Khoảng cách phát triển kinh tế - xã hội giữa người dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn với những thành phần dân tộc khác tại địa bàn chưa được rút ngắn.

- Một số bộ phận người dân tộc thiểu số vẫn còn tình trạng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước cho vùng đồng bào DTTS, đặc biệt là ưu tiên cho người dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, chưa mạnh dạn tham gia vay vốn để phát triển, phần lớn dựa vào nguồn hỗ trợ (cho không), chưa thật sự phát huy nội lực của mình để thoát nghèo bền vững.

- Việc rà soát danh sách các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn đòi hỏi phải có thời gian dài, trong khi đó các Văn bản yêu cầu của cấp trên yêu cầu thời gian ngắn, ảnh hưởng đến quá trình điều tra, rà soát chưa đảm bảo đúng tiến độ cũng như chất lượng thông tin vẫn còn thiếu tính chính xác.

### **C. PHẦN THỨ HAI: KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DÂN TỘC CÒN GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN, CÓ KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ GIAI ĐOẠN 2026-2030**

Trên cơ sở đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xác định dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei đề xuất xây dựng tiêu chí xác định dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, giai đoạn 2026-2030, cụ thể đề xuất chính sách đối với nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn giai đoạn 2026-2030.

- Cần có chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán và chuyển đổi nghề cho dân tộc còn gặp nhiều khó khăn (*không thuộc hộ nghèo*).

- Có chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng và các dự án phát triển sản xuất cộng đồng cho các thôn, làng vùng có hộ dân tộc gặp nhiều khó khăn sinh sống (*không nhất thiết phải là xã, thôn đặc biệt khó khăn*).

Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei báo Ban Dân tộc tỉnh biết, tổng hợp chung./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Dân tộc tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (t/dõi);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Y Thanh**